

Bản án số: 32/2018/HS-ST
Ngày 09 tháng 11 năm 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Văn Tám
Thẩm phán: Bà Trần Ngọc Như
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trịnh Tiểu Nhi
Ông Huỳnh Mậu Thìn
Bà Đoàn Thị Thanh Phụng

Thư ký phiên tòa: Bà Ca Kiều Nguyệt, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông Trần Ngọc Lin, Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu, xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 28/2018/TLST-HS ngày 04 tháng 10 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ ra xét xử số: 36/2018/QĐXXST-HS ngày 16/10/2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn A**, sinh năm 1989, tên gọi khác: Ngọng. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp B, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): Không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; cha là Nguyễn Văn T, sinh 1955 và mẹ là Nguyễn Thị T, sinh 1960; Anh, chị, em ruột: 05 người, lớn sinh năm 1984, nhỏ sinh 1995; Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt khẩn cấp, tạm giữ ngày 31/5/2014, đến ngày 02/6/2014 chuyển tạm giam đến ngày 26/8/2014 hủy bỏ biện pháp tạm giam, áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh (từ ngày 22/11/2015 đến ngày 02/3/2018 bị cáo trốn khỏi nơi bắt buộc chữa bệnh), đến ngày 28/3/2018 bắt bị can để tạm giam cho đến nay, (có mặt).

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Trịnh T, là Luật sư của Văn phòng luật sư Trịnh M, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bạc Liêu, (có mặt).

- *Bị hại:* Bà Lê Thị B, sinh năm 1939. Trú tại: Ấp B, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu. (chết ngày 28/5/2014).

- *Người đại diện hợp pháp của bị hại:*

+ Chị Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1954. Địa chỉ: Khóm 8, thị trấn G, huyện N, tỉnh Cà Mau, (vắng mặt).

+ Anh Nguyễn Văn K, sinh năm 1956. Địa chỉ: Ấp A, xã K Tây, huyện T, tỉnh Cà Mau, (vắng mặt).

+ Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1960. Địa chỉ: Ấp K, xã V, huyện N, tỉnh Kiên Giang, (vắng mặt).

+ Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1961. Địa chỉ: Ấp Y, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu, (có mặt).

+ Chị Nguyễn Thị K, sinh năm 1965. Địa chỉ: Ấp L, xã Z, huyện S, tỉnh Bạc Liêu, (có mặt).

+ Anh Nguyễn Văn P, sinh năm 1970. Địa chỉ: Ấp 21, xã P, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt).

+ Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1969. Địa chỉ: Ấp V, xã T, huyện P, tỉnh Bạc Liêu, (có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1961. Trú tại: Ấp Y, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu, (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

- Khoảng 15 giờ, ngày 28/5/2014, bị cáo Nguyễn A đi từ nhà bà Trần Thị T là bà nội của bị cáo đến nhà của ông Đặng Hoàng E ngụ cùng ấp B, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu để chơi bi da, khi đi ngang nhà bị hại Lê Thị B ngụ cùng ấp, thì bị cáo nhìn thấy bị hại đi tắm vô từ hướng nhà sau, đi cặp bên hông nhà vô cửa nhà trước ngòi đầm tiền trên bộ ván nhà trước, bị cáo đi đến nhà Hoàng E chơi bi da và uống rượu đến khoảng 23 giờ cùng ngày, bị cáo ra về, trên đường về, bị cáo đi đến nhà của bị hại, vạch tấm bạt cao su che cửa sổ nhà, nhìn vào thấy bị hại đang nằm ngủ không mặc áo trên bộ ván trong nhà, ở dưới gối nằm có để 01 cây dao thái lan, lúc này bị cáo đi đến bên trái nhà (hướng từ trước ra sau) vạch vách lá nhà chui vào trong nhà, bị cáo cởi áo ra để trên bếp, lấy 01 (một) cây dao yếm trên bếp đi ra đặt tại gần góc cột giữa nhà, sau đó bị cáo chui vào mùng (màn) bị hại và dùng tay mò vào vùng lưng quần của bị hại thì bị hại la lên, bị cáo lấy cái mền (chăn) trong mùng đè lên mặt bị hại, bóp cổ bị hại cho đến khi bị hại không còn cử động, bị cáo dùng tay kéo bị hại xuống nền đất và đặt bị hại nằm trên chiếu ở nền đất giữa nhà, bị cáo lấy mùng đè lên mặt của bị hại rồi lấy gối kê dưới đầu, sau đó dùng dao yếm để gần cột giữa nhà, cắt (cửa) ngang cổ bị hại một cái rồi nhấn mạnh dao đè vào cổ bị hại và bỏ dao tại vị trí bị hại đang nằm. Bị cáo dùng tay giật lấy chiếc bông tai bên phải của bị hại, lấy chiếc bông tai bên phải xong tiếp tục mở lấy chiếc bông tai bên trái nhưng chiếc

bông bị rơi lại nên bị cáo bỏ luôn chiếc bông bên phải tại chỗ bị hại nằm, bị cáo tiếp tục móc túi quần bị hại lấy 4.000.000đ và tháo chiếc nhẫn vàng 24k, trọng lượng 01 chỉ từ tay của bị hại đang đeo rồi bỏ vào túi quần Jeans của bị cáo. Sau đó, bị cáo dùng tay kéo quần của bị hại ra và tự cởi quần bị cáo để thực hiện hành vi giao cấu với bị hại, sau đó, bị cáo lấy cây dao thái lan đâm vào âm đạo của bị hại, rồi bị cáo bỏ trốn và bị bắt giữ.

- Qua khám nghiệm tử thi xác định được có các thương tích như sau: Khám ngoài: tử thi đã cứng, hoen tử thi hình thành phía sau lưng của cơ thể nạn nhân; Bầm máu môi dưới bên phải kích thước: 1 x 0,5 cm, bầm máu vùng má trái kích thước: 5x4 cm; Dải tai phải bầm máu kích thước 2,5 x 1,5cm; xước da rỉ máu ở lỗ đeo bông, không còn bông tai ở lỗ tai; Dải tai trái bầm tụ máu nhẹ, lỗ đeo bông không tổn thương, không còn bông ở lỗ tai; Vết thương bên cổ phải có kích thước 9,5 x 2,5cm, bờ vết rách da sắc gọn, sâu đứt khớp liên đốt sống cổ 4-5 sâu 0,8cm, bên phải sâu hơn bên trái, mẻ bờ trên đốt sống cổ 5, đứt hết cơ trước bên cổ phải, đứt lìa động mạch cảnh phải, tĩnh mạch cảnh phải rách, đứt khí quản ở ngay dưới sụn nhẫn, đứt thực quản, đứt một phần cơ trước cổ trái, thành động mạch cảnh và cơ trước cổ bên phải có tụ máu; Bộ phận sinh dục có dao thái lan cán vàng cắm vào âm đạo, phần cán còn bên ngoài 4 cm. Khám trong: Rạch da bụng nhận thấy: Ổ bụng khô; Không thấy vết thương xuyên thấu ổ bụng; Lưỡi dao qua thành âm đạo vào lòng đại tràng.

- Tại Kết luận giám định pháp y về tử thi số 31/TT, ngày 05/6/2014 của Trung tâm pháp y tỉnh Bạc Liêu kết luận: Nguyên nhân dẫn đến tử vong của bà Lê Thị B, sinh năm 1939 là do đứt động mạch, tĩnh mạch cảnh mất máu cấp tính.

- Đối với các mẫu vật thu giữ đã giám định có kết luận giám định số 1287+1346/C45B, ngày 13/6/2014 của Phân viện khoa học hình sự Bộ Công an kết luận: Trên mẫu dịch âm đạo của nạn nhân Lê Thị B và trên móng tay ghi thu của nạn nhân Lê Thị B đều có ADN của đối tượng Nguyễn A; Dấu vết máu trên con dao yếm, các dấu vết ghi thu tại hiện trường (từ 01 đến 09), lông tóc thu trên người nạn nhân và trên nền đất đều là máu và tóc của nạn nhân Lê Thị B.

- Tại bản kết luận giám định pháp y về tâm thần số 294/PYTT-PVPN, ngày 11/8/2014 của Viện giám định pháp y tâm thần Trung ương, Phân viện phía Nam và kết luận giám định pháp y tâm thần số 148/KLBB-VPYTW, ngày 16/3/2018 của Viện pháp y tâm thần Trung ương Biên Hòa, kết luận: Về y học: Trước, trong, sau khi gây án và hiện nay: Nguyễn A bị bệnh chậm phát triển tâm thần mức độ nhẹ có tất chứng về hành vi cần theo dõi và điều trị (F70.1 – ICD.10); Về pháp luật: Nguyễn A có năng lực nhận thức và điều khiển hành vi nhưng bị hạn chế do bệnh. Hiện nay, Nguyễn A bệnh đã ổn định, có đủ năng lực nhận thức và điều khiển hành vi.

- Tại Bản kết luận định giá tài sản số 01/BKL-HĐĐGTS, ngày 24/7/2014 của Hội đồng định giá tài sản thuộc Ủy Bn nhân dân tỉnh Bạc Liêu kết luận: 01

(một) chỉ vàng 24K (99,99%) = 3.382.500đ (B triệu, B trăm tám mươi hai nghìn, năm trăm đồng).

- Tại bản Cáo trạng số: 17/CT-VKS ngày 30 tháng 7 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu truy tố bị cáo Nguyễn A về các tội: “Giết người, Hiếp dâm và Cướp tài sản” quy định tại các điểm e, n khoản 1 Điều 93; khoản 1 Điều 111 và khoản 1 Điều 133 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

- Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ quyền công tố giữ nguyên Cáo trạng truy tố đối với bị cáo Nguyễn A, đề nghị: Áp dụng điểm e, n khoản 1 Điều 93, các điểm n, p khoản 1 Điều 46; điểm h khoản 1 Điều 48; Điều 34 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009 xử phạt bị cáo mức án tù chung thân về tội “Giết người”. Áp dụng khoản 1 Điều 111; điểm n, p khoản 1 Điều 46, điểm h khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009 xử phạt bị cáo từ 02 năm đến 03 năm tù về tội “Hiếp dâm”. Áp dụng khoản 1 Điều 133; điểm n, p khoản 1 Điều 46, điểm h khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009 xử phạt bị cáo từ 03 năm đến 04 năm tù về tội “Cướp tài sản”. Áp dụng khoản 1 Điều 50 của Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của B tội là tù chung thân.

+ Về vật chứng vụ án: Áp dụng điểm a,c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Tịch thu tiêu hủy các tài sản đã thu giữ, riêng 01 giấy chứng minh nhân dân và 01 điện thoại của bị cáo cho bị cáo nhận lại; số tiền 2.682.000đ thu giữ trên người Nguyễn A là của bị hại nên cho đại diện bị hại nhận lại.

- Luật sư bào chữa cho bị cáo phát biểu ý kiến: Về tội danh và điều luật áp dụng Luật sư thống nhất ý kiến với Kiểm sát viên. Tuy nhiên, do bị cáo có bệnh lý về bệnh tâm thần, quá trình điều tra bị cáo thành khẩn khai báo, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

- Đại diện hợp pháp của bị hại trình bày: Về trách nhiệm dân sự đại diện bị hại không yêu cầu bồi thường, về hình phạt yêu cầu xử phạt bị cáo mức cao nhất của khung hình phạt là tử hình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại và người làm chứng không có khiếu nại về hành vi tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên nên hành vi tố tụng của Điều tra

viên, Kiểm sát viên thực hiện đúng theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa, khi người tiến hành tố tụng hỏi bị cáo, bị cáo chỉ trả lời không biết. Tuy nhiên, qua biên bản xác minh tại trại tạm giam công an tỉnh Bạc Liêu, xác định khi tiếp nhận bị cáo vào trại tạm giam thì bị cáo chấp hành tốt nội quy nhà trại, không gây mất trật, không có biểu hiện về tâm thần nên việc trả lời không biết của bị cáo là cố tình không khai báo.

[2] Lời khai nhận của bị cáo Nguyễn A trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của những người làm chứng và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để kết luận: Xuất phát từ động cơ vụ lợi cá nhân và nhu cầu sinh lý của bản thân nên khoảng 23 giờ ngày 28/5/2014, bị cáo Nguyễn A đã thực hiện hành vi dùng dao giết chết bà Lê Thị B, chiếm đoạt 4.000.000 đồng và 01 chỉ vàng 24k, ngay sau đó, bị cáo tiếp tục thực hiện hành vi giao cấu với bị hại Lê Thị B và dùng dao đâm vào âm đạo của bị hại và bỏ trốn, đến ngày 31/5/2014 bị bắt giữ là có xảy ra trên thực tế.

[3] Hành vi dùng dao cắt vào vùng cổ của bị hại làm cho bị hại tử vong do đứt động mạch, tĩnh mạch cảnh mất máu cấp tính; ngoài hành vi giết bị hại, bị cáo còn thực hiện hành vi giao cấu với bị hại và chiếm đoạt 4.000.000 đồng và 01 chỉ vàng 24k của bị hại nên bị cáo phạm vào các tội “Giết người”, “Hiếp dâm” và “Cướp tài sản” được quy định tại các điểm e, n khoản 1 Điều 93; khoản 1 Điều 111 và khoản 1 Điều 133 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009. Tại bản kết luận giám định pháp y về tâm thần số 294/PYTT-PVPN, ngày 11/8/2014 của Viện giám định pháp y tâm thần Trung ương, Phân viện phía Nam và kết luận giám định pháp y tâm thần số 148/KLBB-VPYTW, ngày 16/3/2018 của Viện pháp y tâm thần Trung ương Biên Hòa, kết luận: Về y học: Trước, trong, sau khi gây án và hiện nay: Nguyễn A bị bệnh chậm phát triển tâm thần mức độ nhẹ có tất chứng về hành vi cần theo dõi và điều trị (F70.1 – ICD.10). Về pháp luật: Bị cáo Nguyễn A có năng lực nhận thức và điều khiển hành vi nhưng bị hạn chế do bệnh. Hiện nay, Nguyễn A bệnh đã ổn định, có đủ năng lực nhận thức và điều khiển hành vi, Viện kiểm sát nhân dân truy tố bị cáo về các tội “Giết người”, “Hiếp dâm” và “Cướp tài sản” là đúng người, đúng tội và đúng quy định pháp luật. Do bị cáo phạm nhiều tội nên Hội đồng xét xử phân tích hành vi từng tội để có căn cứ quyết định hình phạt được chính xác.

[4] Đối với tội giết người: Bị cáo và người bị hại có quen biết nhau, ông bà của bị cáo ở gần nhà bị hại, gia đình và bản thân bị cáo không có mâu thuẫn cá nhân với bị hại, nhưng vì muốn chiếm đoạt tài sản và thỏa mãn sinh lý bị cáo đã vào nhà bị hại và chui vào mùng bị hại và dùng tay mò vào vùng lưng quần của bị hại thì bị hại la lên, bị cáo lấy cái mền trong mùng đè lên mặt bị hại, bóp cổ bị hại cho đến khi bị hại không còn cử động, bị cáo dùng tay kéo bị hại xuống nền đất và đặt bị hại nằm trên chiếu ở nền đất giữa nhà, bị cáo lấy mùng đè lên mặt của bị hại rồi lấy gối kê dưới đầu, sau đó dùng dao yếm để gần cột giữa nhà, cắt (cửa) ngang cổ bị hại một cái rồi nhún mạnh dao đè vào cổ bị hại và bỏ dao tại vị trí bị hại đang nằm, qua khám nghiệm vùng cổ phải có vết thương kích thước 9,5 x 2,5cm, bờ vết rách da sắc gọn, sâu đứt khớp liên đốt sống cổ 4-5 sâu

0,8cm, bên phải sâu hơn bên trái, mé bờ trên đốt sống cổ 5, đứt hết cơ trước bên cổ phải, đứt lìa động mạch cảnh phải, tĩnh mạch cảnh phải rách, đứt khí quản ở ngay dưới sụn nhẫn, đứt thực quản, đứt một phần cơ trước cổ trái, thành động mạch cảnh. Hành vi dùng dao cắt vào cổ bị hại do bị cáo thực hiện nêu trên thể hiện bị cáo xem thường tính mạng sức khỏe của người khác nên phạm vào tình tiết định khung tăng nặng là phạm tội có tính chất côn đồ được quy định tại điểm n khoản 1 Điều 93 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung 2009, ngay sau khi thực hiện hành vi “Giết người” bị cáo liền thực hiện hành vi phạm tội “Hiếp dâm” và “Cướp tài sản” nên bị cáo phải chịu thêm tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm e khoản 1 Điều 93 Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung 2009 là giết người mà liền ngay sau đó lại thực hiện một tội phạm rất nghiêm trọng nên cần xử lý nghiêm.

[5] Đối với tội cướp: Sau khi thực hiện hành vi giết chết bị hại, bị cáo dùng tay giật lấy chiếc bông tai bên phải của bị hại, lấy chiếc bông tai bên phải xong tiếp tục mở lấy chiếc bông tai bên trái nhưng chiếc bông tai bị rơi lại nên bị cáo bỏ luôn chiếc bông tai bên phải tại chỗ bị hại nằm, bị cáo tiếp tục móc túi quần bị hại lấy 4.000.000 đồng và tháo chiếc nhẫn vàng 24k, trọng lượng 01 chỉ từ tay của bị hại đang đeo rồi bỏ vào túi quần Jeans của bị cáo. Qua giám định tài sản, chiếc nhẫn vàng 24k của bị hại có giá trị 3.382.500 đồng nên bị cáo chiếm đoạt tài sản của bị hại là 7.382.500đ nên cần xử lý.

Ngoài số tài sản bị cáo chiếm đoạt của bị hại như trên, tại Bản cáo trạng số 17/CT-VKS ngày 30 tháng 7 năm 2018 của Viện kiểm sát tỉnh Bạc Liêu có thể hiện: “Đối với hành vi của Nguyễn A giật và mở bông tai của bà Lê Thị B, chưa lấy được đã rơi tại hiện trường. Qua khám nghiệm hiện trường, Cơ quan điều tra đã thu giữ đôi bông tai giao trả cho ông Nguyễn Văn H (con ruột của bị hại) quản lý. Xét thấy, hành vi này của Nguyễn A chưa chiếm đoạt được tài sản. Do đó, Cơ quan điều tra Công an tỉnh Bạc Liêu không đề cập xử lý chung tội cướp tài sản là phù hợp”. Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu đã trả hồ sơ điều tra bổ sung về hành vi của bị cáo Nguyễn A đã thực hiện hành vi chiếm đoạt đôi bông tai của bị hại, tội phạm đã hoàn thành nhưng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu xác định: “Xét thấy, quá trình điều tra không xác định đôi bông tai của bà Lê Thị B, loại vàng gì, trọng lượng Bao nhiêu, hiện nay, đôi bông tai này đã thất lạc nên không đủ cơ sở để tiến hành trưng cầu định giá tài sản theo quy định của pháp luật”. Do giới hạn xét xử của Tòa án nên Hội đồng xét xử kiến nghị Tòa án cấp cao xem xét lại bản án vì ngoài số tài sản bị cáo bị truy tố, bị cáo còn có hành vi chiếm đoạt tài sản là đôi bông tai của bị hại.

[6] Đối với tội hiếp dâm: Sau khi lấy tài sản của bị hại như trên, bị cáo tiếp tục dùng tay kéo quần của bị hại, bị cáo tự cởi quần bị cáo và thực hiện hành vi giao cấu với bị hại xong, bị cáo tiếp tục dùng cây dao Thái Lan đâm vào âm đạo của bị hại, rồi bị cáo bỏ trốn. Qua giám định thể hiện: Trên mẫu dịch âm đạo của bị hại và trên móng tay ghi thu của bị hại đều có ADN của bị cáo. Bị cáo có tuổi đời còn trẻ lại thực hiện hành vi hiếp dâm bị hại có tuổi bằng ông bà của bị cáo,

sau khi giao cầu, bị cáo lại dùng dao Thái Lan đâm vào âm đạo bị hại nên cần xử lý nghiêm đối với bị cáo.

[7] Khi quyết định hình phạt cho bị cáo, Hội đồng xét xử có xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt do qua bị cáo bị bệnh về tâm thần nên nhận thức bị hạn chế, trong quá trình điều tra, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Ngoài ra, bị cáo có ông nội là ông Nguyễn Văn B có giấy chứng nhận liệt sĩ nên cũng cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo được quy định tại điểm n, p khoản 1, 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009 .

[8] Hành vi phạm các tội như phân tích ở trên của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những đã tước đi quyền được sống, tài sản, danh dự nhân phẩm của bị hại, mà còn gây ra đau thương mất mát, không gì bù đắp được cho gia đình của bị hại và còn gây tâm lý hoang mang cho mọi người, gây mất an ninh trật tự tại địa phương, nên cần có mức án nghiêm khắc, hình phạt tù có thời hạn không đủ tính giáo dục răn đe, giáo dục bị cáo nên cần áp dụng hình phạt cách ly ra khỏi đời sống xã hội không có thời hạn.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa đại diện hợp pháp của bị hại không yêu cầu bồi thường nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[10] Về vật chứng : Cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử lý, giao trả lại cho chủ sở hữu và người quản lý hợp pháp tài sản gồm: 01 điện thoại di động hiệu Nokia của Nguyễn Văn Nhí; 01 điện thoại di động hiệu Vinaphone màu đen, bên trong 01 thẻ sim của bà Nguyễn Thị O; 01 chìa khóa bằng kim loại màu vàng, 01 đôi bông tai của bà Lê Thị B cho ông Nguyễn Văn H (con ruột của bà B) để quản lý là phù hợp. Vật chứng còn lại gồm: 01 (một) áo sơ mi dài tay màu trắng, sọc ka rô đen; 01 (một) quần jean màu xanh đã cũ (loại quần dài); 01 (một) quần lót hiệu “Kappa” màu kem, viền đen; 01 (một) đôi dép da màu nâu; mẫu một số sợi lông, tóc ghi thu tại hiện trường (trên nền đất); chất dịch màu nâu đỏ thu tại hiện trường ở các vị trí (từ số 1 đến số 9); 01 (một) chiếc khăn màu trắng; 01 (một) bọc ny lon; 02 (hai) cây kim tây đã cũ; 01 (một) dao yếm có chiều dài 36cm, cán gỗ dài 12cm, lưỡi dao bị mẻ, đã cũ; 01 (một) dao thái lan cán màu vàng 22cm, mũi nhọn; mẫu máu của nạn nhân; mẫu các móng tay của nạn nhân ; mẫu một số lông, tóc ở cạnh vết thương và ở ngực nạn nhân; mẫu máu, mẫu tóc của Nguyễn A; mẫu miếng mền thấm máu đắp nạn nhân còn lại sau giám định; 05 (năm) mẫu vải cắt nhỏ màu xanh trắng, 01 (một) mẫu vải màu trắng cắt nhỏ còn lại sau giám định. Tài sản trên không có giá trị tịch thu và tiêu hủy. Riêng 01 (một) giấy chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn A và 01 (một) điện thoại di động hiệu ConnSpeed M217, bên trong điện thoại có 02 thẻ sim và 01 thẻ nhớ cho bị cáo nhận lại; đối với số tiền còn lại của bị hại là 2.682.000đ cho ông Nguyễn Văn Hải đại diện bị hại nhận lại.

[11] Xét đề nghị của Kiểm sát viên, luật sư về áp dụng điều luật, tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng, mức hình phạt và xử lý vật chứng là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên được chấp nhận.

[12] Về án phí hình sự sơ thẩm bị cáo phải nộp 200.000đ theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn A (Ngọng) phạm tội “Giết người”, “Hiếp dâm” và “Cướp tài sản”.

2. Áp dụng điểm e, n khoản 1 Điều 93; các điểm n, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; điểm h khoản 1 Điều 48; Điều 34 của Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009. Xử phạt bị cáo Nguyễn A mức án tù chung thân về tội Giết người.

3. Áp dụng khoản 1 Điều 133; các điểm n, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; điểm h khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009. Xử phạt bị cáo Nguyễn A 04 (bốn) năm tù về tội Cướp tài sản.

4. Áp dụng khoản 1 Điều 111; các điểm n, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; điểm h khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009. Xử phạt bị cáo Nguyễn A 05 (năm) năm tù về tội Hiếp dâm.

5. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 50 của Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của ba tội là tù chung thân. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính kể từ ngày 31/5/2014 nhưng được đối trừ thời gian bị cáo bỏ trốn từ ngày 22/11/2015 đến ngày 02/3/2018.

7. Về trách nhiệm dân sự: Đại diện hợp pháp của bị hại không yêu cầu, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

8. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a,c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Tịch thu và tiêu hủy: 01 (một) áo sơ mi dài tay màu trắng, sọc ka rô đen; 01 (một) quần jean màu xanh đã cũ (loại quần dài); 01 (một) quần lót hiệu “Kappa” màu kem, viền đen; 01 (một) đôi dép da màu nâu; mẫu một số sợi lông, tóc ghi thu tại hiện trường (trên nền đất); chất dịch màu nâu đỏ thu tại hiện trường ở các vị trí (từ số 1 đến số 9); 01 (một) chiếc khăn màu trắng; 01 (một) bọc ny lon; 02 (hai) cây kim tây đã cũ; 01 (một) dao yếm có chiều dài 36cm, cán gỗ dài 12cm, lưỡi dao bị mẻ, đã cũ; 01 (một) dao thái lan cán màu vàng 22cm, mũi nhọn; mẫu máu của nạn nhân; mẫu các móng tay của nạn nhân ; mẫu một số lông, tóc ở cạnh vết thương và ở ngực nạn nhân; mẫu máu, mẫu tóc của Nguyễn A; mẫu miếng mền thấm máu đắp nạn nhân còn lại sau giám định; 05 (năm) mẫu vải cắt nhỏ màu xanh trắng, 01 (một) mẫu vải màu trắng cắt nhỏ còn lại sau giám định.

Cho bị cáo nhận lại: 01 (một) giấy chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn A và 01 (một) điện thoại di động hiệu ConnSPeed M217, bên trong điện thoại có 02 thẻ sim và 01 thẻ nhớ.

Cho đại diện bị hại Nguyễn Văn H nhận lại 2.682.000đ.

9. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Bn Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Nguyễn A (Ngong) phải nộp 200.000đ (hai trăm ngàn đồng).

Bản án hình sự sơ thẩm, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, những người vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hay Bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh (01b);
- VKSND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh (01b) ;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu (02b);
- Cơ quan điều tra CA. tỉnh Bạc Liêu (01b);
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ CA tỉnh Bạc Liêu (01b);
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bạc Liêu (01b);
- Bị cáo (01b);
- Người đại diện hợp pháp của bị hại (01b/người);
- Luật sư (01b)
- Sở Tư Pháp tỉnh Bạc Liêu (01b);
- Lưu.

(Đã ký)

Cao Văn Tám